

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quyên và bà Lê Thị Huyền;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện P;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2002; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H.

**** Bị đơn:*** Anh Ngô Anh T, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

**** Người làm chứng:***

+ Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Anh T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 09/3/2023 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường được một thời gian, đến khoảng cuối năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống trong công việc cũng như trong kinh tế gia đình khiến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên đi qua đêm không về nhà, hàng tháng anh T đi

làm về không đưa tiền cho chị chi tiêu gia đình mà lấy tiền đó đi chơi bởi cùng bạn bè. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết, có động viên khuyên ngăn nhưng tình cảm hai vợ chồng không mấy cải thiện. Chị và anh T đã sống ly thân nhau từ khoảng đầu tháng 01 năm 2024, chị về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã C, huyện T, tỉnh H sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị xác định, vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Toà án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Ngô Anh T hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Toà án làm việc. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai của anh T về vấn đề quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung.

Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị Nh (là mẹ đẻ của chị M) trình bày: Quá trình vợ chồng chị M và anh T chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường, đến khoảng 07/2024 thì nảy sinh mâu thuẫn, theo chị M nói thì do anh T thường xuyên đi chơi qua đêm không về nhà, không tu chí làm ăn khiến chị M suy nghĩ linh tinh cơ thể suy nhược, thường xuyên đau ốm. Ngoài ra, hàng tháng anh T đi làm về không đưa tiền lương cho chị M chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình mà dùng tiền đó để đi chơi bởi. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh T, đây là chuyện riêng của hai anh chị, gia đình bà không có ý kiến gì. Vợ chồng chị M và anh T chưa có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì, giữa gia đình bà với vợ chồng chị M và anh T không có liên quan gì về vấn đề tài sản, công nợ, công sức đóng góp nên gia đình bà không có yêu cầu, đề nghị gì. Bà Nh đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt bà theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của anh T) trình bày:

Quá trình vợ chồng chị M và anh T chung sống cùng nhau, bà thấy tình cảm hai anh chị bình thường, chỉ duy nhất 01 lần anh T đi chơi game ở quán net qua đêm, về nhà vợ chồng hai anh chị va chạm, cãi cọ nhau. Khoảng cuối năm 2024, chị M có xin phép gia đình bà về gia đình bố mẹ đẻ tại huyện T, tỉnh H sinh sống vì lý do anh T đi qua đêm không nói với chị M là không tôn trọng chị M, vợ chồng không chung sống cùng nhau từ thời điểm đó cho đến nay. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Toà án tạo điều kiện hoà giải để hai anh chị về với nhau, còn hai anh chị cương quyết không ở với nhau, đó là quyền quyết định của hai anh chị, gia đình bà không có ý kiến gì. Chị M và anh T chưa có con chung, không có tài sản chung, không liên quan gì đến tài sản gia đình bà nên gia đình bà không yêu cầu, đề nghị gì. Anh T làm công nhân ở khu công nghiệp trên Phố Nối, địa chỉ cụ thể công ty như thế nào thì bà cũng không nắm được, anh T đi đi, về về khi nhà có công việc. Toà án có gửi các văn bản tố tụng cho anh T, bà đã nhận thay và đã thông báo cho anh T biết, còn anh

T có đến Toà án làm việc hay không thì bà cũng không nắm được. Nếu Toà án cần giao các văn bản tố tụng cho anh T thì bà sẽ nhận thay và cam kết sẽ giao lại cho anh T hoặc thông báo cho anh T biết. Bà đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà theo quy định pháp luật.

UBND xã P cung cấp thông tin: Chị M và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 09/03/2023 theo đúng quy định pháp luật. Chị M và anh T không có con chung. Địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T cũng như đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên địa phương không nắm được giữa vợ chồng chị M và anh T mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được. Nay chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

Công an xã P cung cấp thông tin: Anh Ngô Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên, chưa có thông tin về việc anh T chuyển hộ khẩu đi nơi khác hay tạm trú ở một nơi khác. Hiện nay, anh T đi đâu, làm gì, có ở nhà hay không thì Công an xã không nắm được vì anh T không thuộc diện phải khai báo tạm trú, tạm vắng ở địa phương. Theo nắm bắt thông tin từ gia đình anh T, anh T đang làm công nhân trên Phố Nội, do tính chất công việc nên anh thường xuyên đi đi, về về.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt, trong đó: nguyên đơn chị M có đơn đề nghị Toà án giải quyết xét xử, vắng mặt; bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do mặc dù đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật; người làm chứng bà M và bà Nh trong quá trình Toà án tiến hành tố tụng đều trình bày quan điểm đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị M được ly hôn với anh Ngô Anh T. Về con chung: không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Ngô Anh T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị M có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Ngô Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc cho thấy anh T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung vắng mặt anh T và những người tham gia tố tụng khác.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P vào ngày 09/3/2023 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình vợ chồng chị M và anh T chung sống cùng nhau nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, chi tiêu sinh hoạt gia đình. Chị M và anh T đã sống ly thân nhau từ khoảng đầu tháng 01 năm 2024 cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc cho thấy anh T cố tình không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, không mong muốn hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M.

[3] Về con chung: Nguyên đơn chị M xác nhận, chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị M xác nhận, giữa chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Ngô Anh T, sau khi ly hôn nếu có yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung giữa anh T và chị M thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Ngô Anh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M xác định giữa chị và anh Ngô Anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn nếu anh Ngô Anh T có yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung giữa anh T và chị M thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/24/0004569, ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền